

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 206/2024/DS - ST

Ngày: 14/09/2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng
cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M, TỈNH TIỀN GIANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thuận Thảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Loan**.
- Bà **Nguyễn Thị Kiều Hương**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Kim Ngân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 09 và ngày 14 tháng 09 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 238/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 05 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 08 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 196/2024/QĐST – DS ngày 26 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ Phần S.

Trụ sở: N, Phường B, TP V, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật của Công ty: 1. Ông **Somyot Ngerndamrong** –
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

2. Ông **Kanokwatpaisal Napat** –

Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ Phần S.

Địa chỉ chi nhánh: A, Phường M, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Ông **Kanokwatpaisal Napat** ủy quyền cho anh **Trương Công H**, sinh năm 2000 – Nhân viên Công ty Cổ Phần S (Văn bản ủy quyền số 234/2024/UQ – SVN ngày 26/08/2024). (Anh H có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Ấp L, xã Q, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị Lê Nguyễn Huyền T, sinh năm 1999. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã S, TP M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ Phần S trình bày:**

Tại Hợp đồng cầm cố số MTM220701009NA20X ngày 20/07/2022 được ký kết giữa chị Lê Nguyễn Huyền T với Công ty Cổ phần S – Chi nhánh M, cụ thể như sau: Chị Lê Nguyễn Huyền T có cầm cố tài sản là 01 xe mô tô biển số C – 212.92, loại xe Honda – Vario màu bạc đen cho Công ty Cổ phần S với số tiền cầm cố tài sản là 22.700.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 12 tháng; Lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và các khoản phí phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố và phí hao mòn tài sản như đã thỏa thuận. Ngoài ra, khi thanh toán quá hạn chị T còn phải chịu phí phạt bằng 150% lãi suất quy định và phí quản lý hồ sơ; Theo thỏa thuận tiền gốc, tiền lãi và phí trả một lần vào ngày 20 hàng tháng; Mục đích cầm cố sử dụng mục đích cá nhân.

Quá trình thực hiện, chị Lê Nguyễn Huyền T đã thanh toán cho Công ty Cổ phần S – Chi nhánh M số tiền 12.313.000 đồng trong đó gồm: tiền gốc 7.091.635 đồng, tiền lãi trong hạn (1,1%/tháng) 1.501.850 đồng, Phí 3.719.515 đồng. Chị Lê Nguyễn Huyền T ngưng không trả cho Công ty từ ngày 25/02/2023 cho đến nay. Dù Công ty đã nhiều lần yêu cầu chị Lê Nguyễn Huyền T thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo đúng hợp đồng cầm cố đã ký kết nhưng chị T cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S chỉ yêu cầu chị Lê Nguyễn Huyền T phải có trách nhiệm trả Công ty số tiền tạm tính đến ngày 14/09/2024 là 31.725.209 đồng trong đó gồm: Số tiền gốc còn lại 15.608.365 đồng; Lãi trong hạn 1,1%/tháng 829.845 đồng; Lãi quá hạn 3.579.779 đồng; Phí 11.707.220 đồng (gồm Phí quản lý hồ sơ, Phí mượn xe và Phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ). Thời gian trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Sau khi chị Lê Nguyễn Huyền T thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Công ty thì Công ty sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 111226 do Công an tỉnh T cấp ngày 04/03/2020 cho chị Lê Nguyễn Huyền T.

Đối với bị đơn chị Lê Nguyễn Huyền T, Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục hợp lệ. Bị đơn chị Lê Nguyễn Huyền T dù đã nhận Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình, không dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, chị Lê Nguyễn Huyền T thừa nhận có ký hợp đồng cầm cố với Công ty Cổ phần S. Hiện nay, chị T vẫn đang quản lý sử dụng chiếc xe Honda – Vario màu bạc đen biển số C – 212.92 mà chị ký hợp đồng cầm cố với Công ty. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn chị không có khả năng trả một lần như yêu cầu của Công ty mà xin trả dần hàng tháng cho đến hết số tiền nợ, chị T xin trả tiền

vốn. Khi chị trả đủ tiền cho Công ty thì Công ty phải hoàn trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63C1 – 212.92 cho chị Trân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S thuộc tranh chấp dân sự là “Hợp đồng cầm cố tài sản”. Bị đơn chị Lê Nguyễn Huyền T cư trú tại Ấp T, xã S, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ Phần S yêu cầu chị Lê Nguyễn Huyền T phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ Phần S số tiền tạm tính đến ngày 14/09/2024 là 31.725.209 đồng (trong đó gồm tiền nợ gốc 15.608.365 đồng; tiền lãi trong hạn 1,1%/tháng 829.845 đồng; tiền lãi quá hạn 3.579.779 đồng; Phí 11.707.220 đồng). Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Căn cứ vào Hợp đồng cầm cố số MTM220701009NA20X ngày 20/07/2022 và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (Điều khoản chung) ngày 20/07/2022 của Công ty Cổ phần S đã cho chị Lê Nguyễn Huyền T cầm cố tài sản là chiếc xe máy hiệu honda Vario 150, giá trị tài sản cầm cố là 29.510.000 đồng, số tiền cầm cố là 22.700.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn bằng 150%/tháng lãi suất trong hạn và các khoản phí phạt như thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Thời hạn cầm cố của hợp đồng là 12 tháng từ ngày 20/07/2022 đến ngày 20/07/2023. Theo thỏa thuận được ký kết trong hợp đồng, chị Lê Nguyễn Huyền T có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S vào ngày 20 hàng tháng số tiền 2.094.121,68 đồng, ngày thanh toán đầu tiên bắt đầu từ tháng 08 năm 2022, thời hạn trả cuối cùng là ngày 20/07/2023. Trong quá trình thực hiện, chị Lê Nguyễn Huyền T chỉ thanh toán cho Công ty Cổ Phần S được 04 kỳ với tổng số tiền là 12.313.000 đồng (trong đó gồm tiền vốn gốc đã trả là 7.091.635 đồng, tiền lãi 1.501.850 đồng, Phí 3.719.515 đồng) thì ngưng không trả cho Công ty Cổ phần S từ ngày 25/02/2023 cho đến nay. Dù Công ty Cổ phần S đã nhiều lần gửi thông báo nhắc nhở, đôn đốc nhưng chị Lê Nguyễn Huyền T vẫn không thanh toán các khoản nợ cho Công ty Cổ phần S. Bị đơn chị Lê Nguyễn Huyền T đã vi phạm hợp đồng cầm cố không trả nợ đúng như cam kết để trễ hện kéo dài. Công ty Cổ phần S yêu cầu chị Lê Nguyễn Huyền T trả tiền nợ vay vốn lãi một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Tại Hợp đồng cầm cố số MTM220701009NA20X ngày 20/07/2022 và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (Điều khoản chung) ngày 20/07/2022 chị Lê Nguyễn Huyền T có cầm cho Công ty 01 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số C – 212.92 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp ngày 04/03/2020 cho chị Lê Nguyễn Huyền T. Tuy chị T có ký hợp đồng cầm cố nhưng chiếc xe máy hiệu honda loại Vario 150 biển số C – 212.92 thì chị T đang quản lý sử dụng (công ty không có giữ chiếc xe này). Nay Công ty Cổ phần S chỉ yêu cầu chị Lê Nguyễn Huyền T phải có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm tính đến ngày 14/09/2024 là 31.725.209 đồng, trong đó gồm tiền nợ gốc 15.608.365 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1%/tháng 829.845 đồng, tiền lãi quá hạn 3.579.779 đồng và các khoản phí là 11.707.220 đồng. Thời gian trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi chị Lê Nguyễn Huyền T trả đủ tiền cho Công ty thì Công ty hoàn trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111226 ngày 04/03/2020 cho chị Lê Nguyễn Huyền T.

[5] Phía bị đơn chị Lê Nguyễn Huyền T còn nợ 31.725.209 đồng trong đó gồm tiền nợ gốc 15.608.365 đồng, tiền lãi trong hạn 1,1%/tháng 829.845 đồng, tiền lãi quá hạn 3.579.779 đồng và các khoản phí là 11.707.220 đồng. Do chị Lê Nguyễn Huyền T đã vi phạm về thời hạn trả nợ và phương thức trả nợ được quy định tại Hợp đồng cầm cố số MTM220701009NA20X ngày 20/07/2022 và Phụ lục Hợp đồng cầm cố (Điều khoản chung) ngày 20/07/2022. Buộc chị Lê Nguyễn Huyền T phải trả nợ vốn lãi cho Công ty Cổ Phần S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[6] Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ Phần S là Công ty Cổ Phần S nhận đủ số tiền nợ thì Công ty Cổ Phần S trả lại chị Lê Nguyễn Huyền T 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111226 ngày 04/03/2020 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp cho chị Lê Nguyễn Huyền T.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số nợ phải trả theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 316, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S. Buộc chị Lê Nguyễn Huyền T phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Cổ Phần S số tiền 31.725.209 đồng (trong đó gồm: nợ gốc 15.608.365 đồng, tiền lãi trong hạn 829.845 đồng, tiền lãi quá hạn 3.579.779 đồng và các khoản phí là 11.707.220 đồng). Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S là khi Công ty Cổ phần S nhận đủ số tiền nợ thì Công ty Cổ phần S trả lại chị Lê Nguyễn Huyền T 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 111226 ngày 04/03/2020 do Phòng Cảnh Sát giao thông Công an tỉnh T cấp cho chị Lê Nguyễn Huyền T.

3. Về án phí: Chị Lê Nguyễn Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.586.260 đồng.

Công ty Cổ Phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 732.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006154 ngày 16 tháng 05 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Án tuyên vào lúc 09 giờ 45 phút ngày 14 tháng 09 năm 2024, Có mặt anh Trương Công H - Đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ Phần S; Có mặt chị Lê Nguyễn Huyền T.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND. TP M;

- Chi cục THADS. TP M;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Thuận Thảo

